

## **QUY TRÌNH**

### **Canh tác lúa, nếp tham gia thí điểm bảo hiểm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2011-2013**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 116/QĐ-UBND  
ngày 18 tháng 01 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**I. MỤC ĐÍCH:** Nhằm tạo điều kiện thuận lợi các hộ nông dân, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, và các tổ chức, cá nhân sản xuất lúa tham gia thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đối với cây lúa giai đoạn 2011 – 2013.

### **II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG**

#### **1. Đối tượng và phạm vi áp dụng:**

Quy trình này áp dụng đối với hộ nông dân, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, và các tổ chức, cá nhân sản xuất lúa, nếp tham gia thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đối với cây lúa trên địa bàn tỉnh An Giang.

**2. Sản xuất lúa, nếp theo Quy trình này được hiểu là:** Hoạt động sản xuất lúa hàng hóa, lúa giống và sử dụng cho mục đích khác.

### **III. QUY TRÌNH CANH TÁC LÚA, NÉP**

**1. Thời vụ:** Áp dụng theo Quyết định số 76/2007/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Quyết định 08/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) liên quan đến lịch thời vụ trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- a) Vụ Đông Xuân:** Bắt đầu từ ngày 01 tháng 11dl đến ngày 31 tháng 12dl;
- b) Vụ Hè Thu:** Bắt đầu từ ngày 01 tháng 4dl đến ngày 10 tháng 5dl;
- c) Vụ Thu Đông:** Bắt đầu từ ngày 01 tháng 8dl đến ngày 30 tháng 8dl.

Đối với các vùng có điều kiện đặc thù về tự nhiên có thể xuống giống sớm hơn hoặc muộn hơn thì phải có văn bản của UBND huyện, thị, thành báo cáo và được sự đồng ý của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

#### **2. Chuẩn bị giống.**

**a) Chọn giống:** Chọn các giống lúa phù hợp đặc điểm thổ nhưỡng ở từng địa phương và theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện ở từng thời

điểm. Khuyến khích sử dụng giống trong danh mục cho phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các giống chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

**b) Chất lượng giống:** Lúa giống phải có độ đồng đều cao, không có lẫn hạt cỏ, lúa cỏ và giống khác.

**3. Làm đất:** Mặt ruộng phải được san bằng phẳng, đánh rãnh thoát nước và dọn sạch cỏ dại trước khi sạ, cấy.

**4. Gieo sạ:** Tùy theo giống, mùa vụ, độ bằng phẳng của mặt ruộng và khả năng thoát nước của từng thửa ruộng để quyết định mật độ sạ, mật độ sạ có thể dao động tùy theo cấp độ giống nhưng không được sử dụng vượt quá 200 kg/ha ( $\leq 200$ kg/ha). Khuyến khích nông dân nên áp dụng công cụ sạ hàng hoặc cấy lúa khi có điều kiện.

### **5. Bón phân:**

**a) Nguyên tắc bón phân cho lúa:** Lượng phân bón cân đối theo nhu cầu cây lúa gồm đầy đủ hàm lượng NPK giúp cây lúa phát triển tốt; và thời gian bón cần phải hợp lý tùy theo nhu cầu dinh dưỡng của cây. Có thể bón theo nhu cầu của cây vào các thời điểm sinh trưởng (mạ, đẻ nhánh, tròng đòng); nên dùng bảng so màu lá lúa vào giai đoạn đẻ nhánh và tròng đòng để không bón thừa phân đạm.

**b) Thời kỳ bón cho cây lúa:** Có thể chia làm 3 đợt chính:

Đợt 1: 7 – 10 ngày sau sạ (giai đoạn mạ)

Đợt 2: 18 – 22 ngày sau sạ (giai đoạn đẻ nhánh)

Đợt 3: 40 – 45 ngày sau sạ (giai đoạn tròng đòng)

**c) Liều lượng bón:** Theo Viện lúa ĐBSCL, công thức phân bón có thể áp dụng tổng quát cho vùng ĐBSCL là :

- **Vụ Đông Xuân:** Trên các vùng đất phù sa, phèn nhẹ, phèn trung bình với công thức khuyến cáo là: **Đạm:** 80-120 N kg/ha, **Lân:** 40-60 P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> kg/ha, **Kali:** 30-50 K<sub>2</sub>O kg/ha.

- **Vụ Hè Thu:** Trên các vùng đất phù sa, phèn nhẹ, phèn trung bình với công thức khuyến cáo là: **Đạm:** 60-100 N kg/ha, **Lân:** 40-80 P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> kg/ha, **Kali:** 30-50 K<sub>2</sub>O kg/ha.

Lượng N trong vụ Đông Xuân có thể bón nhiều hơn vụ Hè Thu, lượng P trong vụ Hè Thu có thể bón nhiều hơn trong vụ Đông Xuân.

- **Vụ Thu Đông:** Áp dụng công thức bón phân như khuyến cáo của vụ Hè Thu.

**\* Chú ý:** Tùy điều kiện đất đai, mùa vụ, thời gian sinh trưởng của giống lúa đang canh tác mà gia giảm liều lượng, thời gian bón, số lần bón.

Riêng đối với đất 3 vụ canh tác nhiều năm có thể bón thêm 20% tổng lượng phân đạm và nên bổ sung thêm phân hữu cơ nhằm cải tạo đất.

**6. Phòng trừ sâu bệnh:** Để bảo vệ năng suất lúa cần áp dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp như vệ sinh đồng ruộng tốt, chọn giống tốt, kháng được sâu bệnh, bảo vệ thiên địch, bón phân cân đối, hợp lý. Chỉ sử dụng thuốc hoá học khi cần thiết, và khi sử dụng cần tuân thủ nguyên tắc 4 đúng:

**a) Đúng thuốc:** Chọn thuốc phòng trừ đúng đối tượng gây hại, không sử dụng thuốc cấm, thuốc ngoài danh mục. *Chú ý: Không nên dùng thuốc có gốc Acetamid để phòng trừ rầy từ giai đoạn lúa trổ.*

**b) Đúng lúc:** Phun thuốc khi phát hiện sâu tuổi còn nhỏ, từ 1-3 tuổi, hoặc lúc bệnh chớm phát, không phun ngừa định kỳ.

**c) Đúng cách:** Sử dụng thuốc BVTV đúng theo cách hướng dẫn ghi trên bao bì như thuốc dạng hạt thì rải, lúc rải phải có nước trong ruộng, sau khi rải phải giữ nước trong ruộng lúa (ví dụ: thuốc dạng nước thì phun; đối với rầy nâu, bệnh đốm vằn nên phun vào gốc cây lúa).

**d) Đúng liều lượng:** Lượng thuốc BVTV, lượng nước sử dụng trên một đơn vị diện tích cần tuân theo hướng dẫn ghi trên bao bì. Không tự ý tăng lượng thuốc, giảm lượng nước, giảm số bình phun trên một đơn vị diện tích vì có thể gây ngộ độc cho cây lúa.

**7. Thu hoạch:** Nên thu hoạch khi lúa chín từ 85-90%, lúc này hạt đầu bông có màu vàng rom, một vài hạt trên bông có thể còn màu xanh nhưng đã no hạt./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Lê Văn Nung**